



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN HÀ NỘI
HA NOI REAL ESTATE INVESTMENT JSC**

C'LAND
<http://www.cland.vn>

Toà nhà C'LAND Số 156 Xã Đàn II, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3572 7441

*

Fax: (84 - 4) 3572 7940

ĐIỀU LỆ


TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN HÀ NỘI (C'LAND)

Hà Nội, 06/2017


MỤC LỤC

CHƯƠNG I:	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1:	Định nghĩa	3
CHƯƠNG II:	TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2:	Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG III:	NGÀNH, NGHỀ, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY	6
Điều 3:	Ngành, nghề, phạm vi kinh doanh và mục tiêu của Công ty	6
CHƯƠNG IV:	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 4:	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 5:	Cổ phiếu	10
Điều 6:	Chào bán, chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 7:	Thừa kế cổ phần	12
Điều 8:	Thu hồi cổ phần	12
CHƯƠNG V:	CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 9:	Cơ cấu tổ chức và quản lý	13
CHƯƠNG VI:	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 10:	Quyền hạn của cổ đông Công ty	14
Điều 11:	Nghĩa vụ của cổ đông	15
Điều 12:	Đại hội đồng cổ đông và Đại hội cổ đông	15
Điều 13:	Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 14:	Đại diện được ủy quyền	18
Điều 15:	Triệu tập ĐHCĐ, chương trình và thông báo Đại hội	19
Điều 16:	Tiến hành ĐHCĐ và lập biên bản ĐHCĐ	20
Điều 17:	Biên bản ĐHCĐ	22
Điều 18:	Thông qua Nghị quyết bằng văn bản	23
CHƯƠNG VII:	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 19:	Thành phần và nhiệm kỳ	26
Điều 20:	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT	27
Điều 21:	Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	27
Điều 22:	Chủ tịch HĐQT	30
Điều 23:	Họp HĐQT	31
CHƯƠNG VIII:	BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY	33
Điều 24:	Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 25:	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc	33

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên 

CHƯƠNG IX:	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY	36
Điều 26:	Trách nhiệm của cán bộ quản lý Công ty	36
Điều 27:	Tránh xung đột về quyền lợi	36
Điều 28:	Trách nhiệm và bồi thường	37
CHƯƠNG X	BAN KIỂM SOÁT	37
Điều 29:	Bầu Ban kiểm soát	37
Điều 30:	Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	39
Điều 31:	Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát	40
CHƯƠNG XI	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 32:	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	41
CHƯƠNG XII	TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
Điều 31:	Tổ chức Đảng, công nhân viên và Công đoàn	42
CHƯƠNG XIII	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	43
Điều 34:	Cổ tức	43
CHƯƠNG XIV	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	44
Điều 35:	Tài khoản Ngân hàng	44
Điều 36:	Trích lập các quỹ	44
Điều 37:	Năm tài chính	44
Điều 38:	Hệ thống Kế toán	45
CHƯƠNG XV	CON DẤU	45
Điều 39:	Con dấu	45
CHƯƠNG XVI	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY	46
Điều 40:	Chấm dứt hoạt động	46
Điều 41:	Thanh lý Công ty	46
CHƯƠNG XVII	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
Điều 42:	Giải quyết tranh chấp nội bộ	47
CHƯƠNG XVIII	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	48
Điều 43:	Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	48
CHƯƠNG XIX	NGÀY HIỆU LỰC	48
Điều 44:	Ngày hiệu lực	48

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên 

Trang 2







PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Hà Nội (dưới đây gọi là "Công ty") được thành lập căn cứ Quyết định số 871 ngày 8/3/2007 của UBND Thành phố Hà Nội V/v Chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 25 thành **Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Hà Nội**.

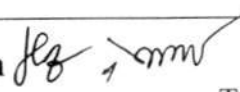
Điều lệ này của Công ty được sửa đổi và được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2015 tại Hà Nội, là cơ sở pháp lý cho **Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Hà Nội** hoạt động.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

1. Những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. "Công ty" có nghĩa là Công ty Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Hà Nội.
 - b. "Hội đồng Quản trị" viết tắt là HĐQT, có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty.
 - c. "Cổ đông" là mọi cá nhân hoặc pháp nhân đang sở hữu cổ phần của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
 - d. "Đại hội đồng cổ đông" viết tắt là ĐHĐCĐ, có nghĩa là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty.
 - e. "Đại hội cổ đông" viết tắt là ĐHCĐ, có nghĩa là cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - g. "Vốn điều lệ" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên 

Trang 3







h. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

i. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

j. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật quy định tại Điều 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm Pháp luật được ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2008.

k. "Cán bộ quản lý" có nghĩa là Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc và phó Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện và các xí nghiệp thành viên, phụ trách kế toán của các đơn vị trực thuộc.

l. "Những người liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức bất kỳ như quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

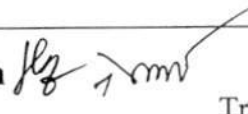
m. "Thời hạn" có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như quy định tại khoản 10 Điều 2 của Điều lệ này và thời hạn gia hạn được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết.

n. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

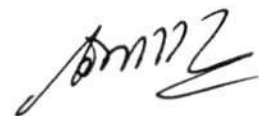
Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản (hoặc) của văn bản đó.

2. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên 

Trang 4



CHƯƠNG II

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, địa chỉ và Thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN HÀ NỘI

2. Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh:

HANOI REAL ESTATE INVESTMENT JOINT-STOCK COMPANY

3. Tên viết tắt của Công ty: **C'LAND**

Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty là: **Toà nhà C'LAND - Số 156 Ngõ Xã Đàn II, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**

5. Số điện thoại Văn phòng Công ty, số Fax của Công ty là:

- Số điện thoại: **(04) 3572 7441**

- Số Fax: **(04) 3572 7940**

6. Địa chỉ Website; địa chỉ hộp thư điện tử của Công ty là:

- Website: **<http://www.cland.vn>**

- Email: **cland@cland.vn**

7. Logo của Công ty là:



8. Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trước Pháp luật.

9. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty trong phạm vi Pháp luật cho phép.

10. Công ty hoạt động từ ngày thành lập và không xác định thời hạn kết thúc, trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 40 Điều lệ này.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 5

CHƯƠNG III

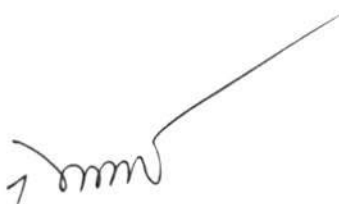
NGÀNH, NGHỀ, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Điều 3: Ngành, nghề, Phạm vi kinh doanh và Mục tiêu của công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh mua bán nhà)
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ thu tiền đỗ xe...)
 - Thu gom rác thải không độc hại;
 - Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
 - Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
 - Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
 - Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Quản lý sàn giao dịch bất động sản; Môi giới, định giá bất động sản; Tư vấn, quản lý bất động sản, quản lý việc sử dụng nhà chung cư);
 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục, y tế, xây dựng);
 - Giáo dục mầm non;
 - Giáo dục tiểu học;
 - Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
 - Giáo dục nghề nghiệp (Chi tiết: Đào tạo trung cấp);
 - Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Đào tạo ngoại ngữ);
 - Đào tạo cao đẳng;
 - Đào tạo Đại học và sau Đại học;
 - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất nước giải khát);
 - Sản xuất rượu vang;
 - Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Kinh doanh rượu vang và nước giải khát);
 - Lắp đặt hệ thống điện (Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt thiết bị điện lạnh);

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 6





- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt hệ thống điều hòa không khí; lắp đặt thang máy);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh ăn uống);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn về đầu tư xây dựng, nhà đất; Ủy thác đại lý hàng công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, điện tử dân dụng);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Lập và quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng: khu đô thị mới, khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, văn phòng cho thuê, dịch vụ công cộng);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng và lắp đặt đường dây và trạm biến áp, điện chiếu sáng, điện dân dụng (đường dây đến 35KV, biến áp đến 2500KVA); Xây dựng, lắp đặt các công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị (cấp thoát nước, chiếu sáng), giao thông, bưu điện, nông nghiệp, thủy lợi, thể dục thể thao, công trình văn hóa, vui chơi, giải trí; bảo hành, bảo trì, cải tạo nhà ở);
- Đại lý du lịch (Chi tiết: Lữ hành du lịch);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Chi tiết: Lắp đặt kết cấu khung thép);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện));
- Sản xuất máy chuyên dụng khác (Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị chuyên ngành xây dựng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 7

- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô);

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô)

- Xây dựng nhà các loại.

Để phù hợp với sự phát triển và thay đổi của thị trường, Công ty có thể bổ sung hoặc thay đổi ngành nghề kinh doanh theo đúng quy định của Pháp luật.

2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty:

a. Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh như quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty;

b. Công ty được quyền tiến hành những hoạt động kinh doanh khác mà Pháp luật cho phép nếu Hội đồng Quản trị xem xét thông qua.

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

CHƯƠNG IV

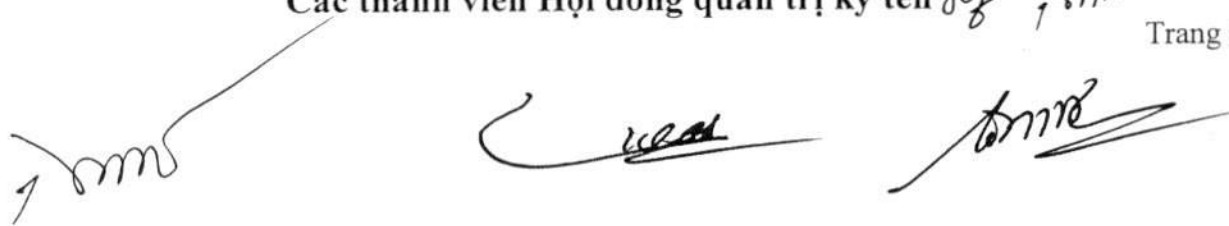
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 4: Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông Sáng lập

1. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **116.000.000.000 đồng (Một trăm mười sáu tỷ đồng)**. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **11.600.000** cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

2. Tại ngày thông qua Điều lệ này, Công ty đã phát hành các loại cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng và cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng. Các

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này.

a. Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng là cổ phần của các cổ đông sáng lập; cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty;

b. Cổ phần tự do chuyển nhượng: là cổ phần không nằm ở mục a nêu trên;

3. Cổ đông sáng lập là những cổ đông có đủ các điều kiện sau:

a. Tham gia ĐHCĐ thành lập để thông qua Điều lệ lần đầu tiên của Công ty;

b. Cùng nhau cam kết nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần lưu hành của Công ty trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập;

c. Sở hữu tối thiểu 15% vốn điều lệ của Công ty.

4. Công ty chỉ có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Việc phát hành thêm các loại cổ phiếu phải được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

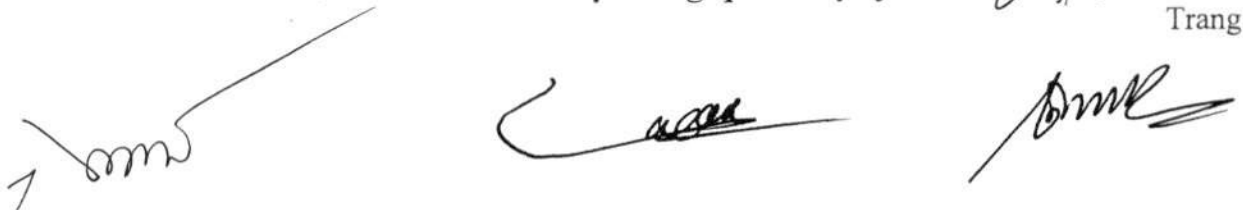
6. Cổ phần phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ hiện tại của từng cổ đông. Công ty phải thông báo việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, giá chào bán, thời hạn chào bán và các điều kiện chào bán khác để cổ đông đặt mua. HĐQT sẽ quyết định phương án phân phối nốt số lượng cổ phần chưa chào bán hết sau khi phân phối cho các cổ đông. HĐQT có thể phân phối hoặc trao quyền mua số lượng cổ phần chưa phân phối hết cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy phù hợp, miễn là số lượng cổ phần đó không được bán cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện ưu tiên hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.

7. Công ty có quyền mua lại cổ phần của chính Công ty. Việc mua lại cổ phần của Công ty phải do HĐQT quyết định và phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Cổ phần do Công ty mua lại sẽ được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được HĐQT chào bán phù hợp với các quy định của Pháp luật.

8. Công ty có quyền phát hành các loại trái phiếu và các quyền kèm theo trái phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của Công ty. Việc phát hành trái phiếu phải được ĐHCĐ thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 9



Điều 5: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu quy định của Bộ Tài chính nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và quản lý thống nhất dưới dạng bút toán ghi sổ.

2. Các thông tin về cổ đông quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được cấp cho cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu hợp pháp cổ phần của cổ đông với Công ty.


3. Đối với những cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại công ty Chứng khoán hoặc mua cổ phiếu của Công ty trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, thì quyền sở hữu đối với cổ phiếu của Công ty được xác nhận theo các quy định của Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

4. Công ty cũng có thể phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ vật chất theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6: Chào bán, Chuyển nhượng Cổ phần

1. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên 



2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày thông báo.

b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;

c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quản lý. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 11

4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua.

5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7. Các thành viên HĐQT không được thế chấp, cầm cố hay chuyển nhượng cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian đương nhiệm và trong vòng một năm kể từ khi không còn là thành viên HĐQT, trừ các trường hợp đặc biệt do HĐQT chấp thuận. Việc chuyển nhượng cổ phần của các thành viên HĐQT phải được HĐQT chấp thuận và được ưu tiên chuyển nhượng cho các thành viên HĐQT khác nhằm đảm bảo duy trì tỷ lệ nắm giữ trong HĐQT.

Điều 7: Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật về Thừa kế và các quy định khác có liên quan.

2. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

a. Người thừa kế duy nhất theo luật định;

b. Trường hợp có nhiều người cùng hàng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng theo đúng quy định Pháp luật. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.

3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của cổ đông mà họ thừa kế.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Pháp luật.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 12



5. Cổ phần của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được tự do thừa kế; nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 8: Thu hồi Cổ phần

1. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần thì HĐQT sẽ thông báo cho cổ đông và yêu cầu thanh toán số tiền mua cổ phần. Thông báo của HĐQT sẽ nêu rõ số tiền, thời hạn và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần.

2. Trường hợp cổ đông không thanh toán toàn bộ số tiền trong thời hạn và địa điểm mà HĐQT yêu cầu, thì HĐQT sẽ thu hồi toàn bộ số lượng cổ phần đó. Trường hợp cổ đông chỉ thanh toán một phần, thì HĐQT sẽ thu hồi số lượng cổ phần chưa thanh toán.

3. Trường hợp tại thời điểm thu hồi cổ phần mà Công ty đã công bố trả cổ tức nhưng chưa chi trả, thì các cổ phiếu bị HĐQT quyết định thu hồi sẽ không được quyền nhận cổ tức, mặc dù Công ty đã công bố chia cổ tức.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ được giao nộp về Công ty và trở thành tài sản của Công ty và có thể được phân phối lại cho các đối tượng khác theo quyết định của HĐQT.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên mất tư cách cổ đông đối với số lượng cổ phần bị thu hồi.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Ban Giám đốc.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 13

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10: Quyền hạn của Cổ đông Công ty

Điều 149

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Cổ đông Công ty có quyền tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức hàng năm theo mức do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ nắm giữ, khi Công ty phát hành thêm cổ phần;
 - e. Kiểm tra xem xét các thông tin liên quan đến chính mình trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu tại sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ khác;
 - g. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.
3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:
 - a. Đề cử người vào HĐQT hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các Điều 19 và 30 của Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập ĐHCĐ bất thường;
 - c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

[Handwritten signatures of board members]

d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 11: Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau đây:

1. Tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định của HĐQT và các nội quy, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần đã góp vào Công ty; Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;

3. Tất cả các cổ đông có trách nhiệm và ý thức trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 12: Đại hội đồng cổ đông và Đại hội cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông: ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và/hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền.

2. Đại hội cổ đông: ĐHCĐ là các kỳ họp của ĐHĐCĐ. ĐHCĐ bao gồm ĐHCĐ thường niên và ĐHCĐ bất thường. ĐHCĐ thường niên do HĐQT triệu tập và được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 15

thúc năm tài chính tại địa điểm do HĐQT quyết định tùy thuộc vào từng thời điểm. ĐHCĐ thường niên thảo luận và thông qua những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. HĐQT triệu tập ĐHCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số liệu trong bảng cân đối kế toán quý, nửa năm hoặc cả năm của Công ty cho thấy vốn điều lệ của Công ty bị giảm một phần tư (1/4) trở lên;
- c. Khi số lượng thành viên của HĐQT ít hơn số lượng mà Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định;
- d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHCĐ bất thường bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan và nêu rõ lý do, mục đích của việc triệu tập phù hợp với quy định của pháp luật;
- e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập ĐHCĐ bất thường khi Ban Kiểm soát có bằng chứng về việc các thành viên HĐQT hoặc các cán bộ quản lý của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT và các cán bộ quản lý hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

4. Triệu tập ĐHCĐ bất thường.

- a. HĐQT phải triệu tập ĐHCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại điểm c khoản 4 hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm d và điểm e khoản 4 Điều này.
- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập ĐHCĐ bất thường, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập theo yêu cầu.
- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập ĐHCĐ bất thường theo yêu cầu, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông (nêu tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này) yêu cầu có thể tự triệu tập.
- d. Tất cả chi phí tổ chức ĐHCĐ sẽ do Công ty trả. Những chi phí này không bao gồm những chi phí mà cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHCĐ và chi phí ăn ở, đi lại của cổ đông.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 16



Điều 13: Quyền hạn và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHCĐ có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau trong các ĐHCĐ thường niên:

- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty
- b. Báo cáo tài chính hàng năm;
- c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT;
- d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc;
- d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. ĐHCĐ có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau trong các kỳ ĐHCĐ thường niên và bất thường:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- c. Mức cổ tức hàng năm trả cho từng loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền kèm theo từng loại cổ phần;
- d. Số lượng thành viên của HĐQT và Ban Kiểm soát;
- e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát;
- g. Kiểm toán và lựa chọn đơn vị Kiểm toán;
- h. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;
- i. Phương án phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu;
- j. Sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại và giải thể Công ty;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát;
- l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty tính theo giá trị sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 17

m. Mua hoặc mua lại trên mười phần trăm (10%) cổ phần đang lưu hành của Công ty;

n. Việc Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng theo quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. ĐHCĐ phải thảo luận và ra nghị quyết để thông qua các vấn đề đã được đưa vào chương trình Đại hội.

Điều 14: Đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông có quyền tham dự ĐHCĐ là cá nhân có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một đại diện của mình tham dự. Người được ủy quyền được thực hiện các quyền của cổ đông theo đúng các nội dung được ủy quyền. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Việc ủy quyền tham dự ĐHCĐ phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng thủ tục và mẫu ủy quyền của Công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể thỏa thuận và ủy quyền bằng văn bản cho cổ đông khác của Công ty có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật làm đại diện cho nhóm cổ đông đó. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký và dấu (nếu có) hợp pháp của tất cả các cổ đông trong nhóm. Việc thay đổi người đại diện của nhóm cổ đông phải được tất cả các cổ đông trong nhóm nhất trí bằng văn bản.

5. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thì cổ đông này phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để HĐQT quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo quy định của Pháp luật.

6. Phiếu biểu quyết của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 18

- a. Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
- b. Huỷ bỏ việc uỷ quyền;
- c. Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

7. Quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHCĐ.

Điều 15: Triệu tập ĐHCĐ, Chương trình và Thông báo đại hội

1. Triệu tập Đại hội cổ đông: ĐHCĐ được triệu tập theo quyết định của HĐQT, trừ các trường hợp được quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập ĐHCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ít nhất mười (10) ngày trước ngày tiến hành Đại hội, chương trình Đại hội, và các tài liệu theo quy định của Pháp luật và Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;

c. Thông báo bằng văn bản cho tất cả các cổ đông về việc tổ chức ĐHCĐ.

3. Thông báo về ĐHCĐ phải bao gồm:

a. Chương trình Đại hội;

b. Các vấn đề sẽ được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội;

c. Thông báo về ĐHCĐ phải được gửi đi trước ngày tổ chức đại hội ít nhất bảy (07) ngày tính từ ngày thông báo được gửi đi hợp lệ.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình ĐHCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày trước khi bắt đầu ĐHCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 19

5. Người triệu tập họp ĐHCĐ chỉ có quyền từ chối những đề xuất quy định tại khoản 4 Điều này nếu:

- a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở nên;
 - c. Đề xuất không đủ thông tin cần thiết;
6. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHCĐ thảo luận và thông qua nghị quyết.

7. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội.

8. Trường hợp ĐHCĐ không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung Đại hội không được đưa vào chương trình một cách hợp lý thì nghị quyết đã được Đại hội nhất trí thông qua vẫn được coi là hợp lệ nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHCĐ.

Điều 16: Tiến hành ĐHCĐ và lập biên bản ĐHCĐ

1. ĐHCĐ chỉ được tiến hành khi số lượng cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết.

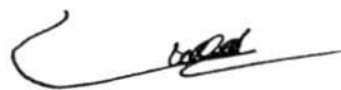
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo khoản 1 điều này thì Đại hội lần 2 phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội thứ nhất. Trong Đại hội được triệu tập lại, số lượng cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp phải đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết.

3. Nếu Đại hội thứ hai không thể tiến hành do không đủ số lượng tham dự theo khoản 2 điều này thì Đại hội lần thứ ba phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự kiến Đại hội lần hai. Trong trường hợp này cuộc

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



Trang 20



hợp của ĐHCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc người được ủy quyền đó. Kết quả biểu quyết sẽ được chủ tọa công bố trước khi bế mạc đại hội.

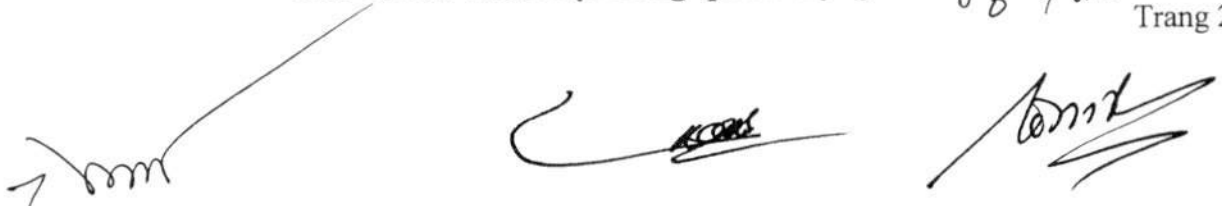
5. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự ĐHCĐ và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội những vấn đề chưa được biểu quyết. Cổ đông đến muộn sẽ không được tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

6. Chủ tịch HĐQT sẽ làm chủ tọa để chủ trì ĐHCĐ. Nếu Chủ tịch vắng mặt thì thành viên được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ chủ trì.

7. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này, Nghị quyết ĐHCĐ phải được thông qua bởi ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHCĐ.

8. Các nghị quyết của ĐHCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, sáp nhập, tái cấu trúc và giải thể Công ty, đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được thông qua bởi ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHCĐ.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



9. Chủ tọa ĐHCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu các biên bản ĐHCĐ. Các biên bản Đại hội, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông tham dự và giấy uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.

10. Chủ tọa có quyền phán quyết cao nhất đối với các vấn đề về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHCĐ.

11. Chủ tọa ĐHCĐ có thể hoãn Đại hội đến thời gian và tại địa điểm khác trong vòng không quá ba mươi (30) ngày mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu:

- a. Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
- b. Có hành vi cản trở hoặc gây rối Đại hội;
- c. Để đảm bảo tiến hành các thủ tục và công việc của Đại hội một cách hợp lệ;
- d. Đại hội nhất trí vì lý do hợp lý bất kỳ.

Đại hội được tổ chức lại sẽ không xem xét các vấn đề ngoài các vấn đề đã đưa vào chương trình thảo luận.

12. Chủ tọa hoặc Thư ký Đại hội được quyền hành động thích hợp để điều khiển Đại hội diễn ra hợp lệ, trật tự và phản ánh được ý kiến của đa số đại biểu tham dự.

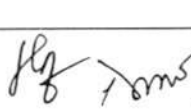
13. HĐQT có quyền áp dụng các biện pháp kiểm tra hoặc an ninh hợp lý đối với các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội. HĐQT có quyền không cho tham dự hoặc trục xuất những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh.

Điều 17: Biên bản họp ĐHCĐ

1. Cuộc họp ĐHCĐ phải được lập thành biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHCĐ;
- c. Tên Chủ tọa và Thư ký;
- d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại ĐHCĐ;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên






e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại ĐHCĐ; số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề được thông qua;

f. Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;

h. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

2. Biên bản họp ĐHCĐ phải được hoàn thiện và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp ĐHCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 18: Thông qua Nghị Quyết bằng văn bản

Do điều kiện nào đó (làm việc phân tán, không có điều kiện về kinh phí, địa điểm v.v.), nghị quyết ĐHCĐ vẫn được thông qua khi số lượng cổ đông đại diện cho ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận bằng văn bản.

1. Trong trường hợp thông qua nghị quyết bằng văn bản, HĐQT phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Quyết định các vấn đề cần biểu quyết, hình thức và nội dung phiếu biểu quyết;

b. Nội dung phiếu biểu quyết phải có: Tên, trụ sở của Công ty, mục đích biểu quyết, vấn đề cần biểu quyết, các tài liệu liên quan để cổ đông nghiên cứu vấn đề trước khi biểu quyết, thời hạn gửi lại phiếu biểu quyết về Công ty, các mục lựa chọn biểu quyết “nhất trí”, “không nhất trí”, “không có ý kiến”;

c. Gửi phiếu biểu quyết kèm theo tài liệu liên quan cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHCĐ;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên


Trang 23

d. Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

e. Thông báo kết quả biểu quyết và các nghị quyết được thông qua trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông gửi phiếu biểu quyết của họ về Công ty.

2. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

 Trang 24







CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19: Thành phần và nhiệm kỳ

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty: HĐQT Công ty có 3 thành viên, bao gồm Chủ tịch và các thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị: HĐQT có nhiệm kỳ 5 năm, thành viên HĐQT có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

4. Hình thức bầu Hội đồng quản trị: Các thành viên trong HĐQT được bầu trực tiếp bằng thẻ thức bỏ phiếu kín tại ĐHCĐ. Thành viên HĐQT trúng cử phải đạt ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại ĐHCĐ.

5. Tiêu chuẩn của thành viên HĐQT thoả mãn các nội dung dưới đây:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b. Có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức thực hiện các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuộc phạm vi ngành nghề của Công ty;
- c. Có hiểu biết về Pháp luật và các nội dung cơ bản hiện hành của Nhà nước về quản lý sản xuất và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp;
- d. Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết, luôn trung thành với quyền lợi của cổ đông;
- e. Là cổ đông cá nhân sở hữu tối thiểu 5% vốn điều lệ của Công ty hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân nắm giữ tối thiểu 10% vốn điều lệ của Công ty hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu 10% vốn điều lệ của Công ty;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 25

f. Không phải là những người thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

6. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty. Việc thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty sẽ do HĐQT quyết định.

7. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT.

a. Cổ đông cá nhân nắm giữ tối thiểu 5% hoặc người đại diện hợp pháp cho Cổ đông pháp nhân nắm giữ tối thiểu 10% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết có quyền ứng cử để bầu vào HĐQT;

b. Trừ ĐHCĐ thành lập, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người để bầu vào HĐQT. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) thì được quyền đề cử một (01) thành viên; nếu chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên; nếu từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) thì họ được đề cử ba (03) thành viên; và nếu từ bảy mươi phần trăm (70%) trở lên thì được đề cử bốn (04) thành viên.

Điều 20: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên HĐQT không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 5 Điều 19 của Điều lệ này;

b. Thành viên HĐQT xin từ nhiệm bằng văn bản;

c. Thành viên HĐQT mất năng lực pháp lý và năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 26



d. Thành viên HĐQT trong vòng một năm liên tục không tham dự các cuộc họp của HĐQT mà không có lý do hợp lý và không được HĐQT cho phép. Trong trường hợp này, HĐQT sẽ quyết định vị trí của thành viên HĐQT đó;

e. Có hành vi gây tổn thất đến uy tín, quyền lợi kinh tế và chiến lược phát triển của Công ty;

f. Thành viên HĐQT bãi miễn theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm từ 1/3 số thành viên trở lên thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá sáu mươi ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

3. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 21: Quyền hạn và Nhiệm vụ của HĐQT

1. HĐQT quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;

b. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 27

- c. Xác định các mục tiêu và chiến lược hoạt động của Công ty trên cơ sở các mục tiêu và chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Giám đốc Chi nhánh và Trưởng văn phòng đại diện của Công ty nếu HĐQT thấy cần thiết và vì lợi ích của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý của Công ty theo đề nghị của Giám đốc;
 - f. Quyết định mức lương của Giám đốc, các cán bộ quản lý và đại diện của Công ty;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức, nội quy, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - h. Quyết định thành lập hoặc giải thể Chi nhánh, Văn phòng đại diện hoặc đơn vị thành viên của Công ty;
 - i. Quyết định khiếu nại và lựa chọn đại diện của Công ty để tiến hành các thủ tục pháp lý khi khiếu nại (nếu có);
 - j. Đề xuất và thực hiện phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu, và các quyền kèm theo cổ phiếu hoặc trái phiếu;
 - k. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu;
 - l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm thời và tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - m. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai tháng.
 - n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
 - o. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT chấp thuận:
- a. Thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các đơn vị thành viên của Công ty;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 28





c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp, HĐQT quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty, trừ trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp là do ĐHCĐ quyết định. Các trường hợp cụ thể khác được quy định trong quy chế hoạt động của HĐQT;

d. Chỉ định và bãi nhiệm Đại diện Thương mại và Luật sư của Công ty;

f. Vay nợ, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

g. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

h. Mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác;

i. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền khi Công ty phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu như vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, thiết bị và bí quyết công nghệ;

j. Mua lại hoặc thu hồi dưới mười phần trăm (10%) cổ phần của Công ty theo từng loại và quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

k. Bất kỳ vấn đề nào khác mà HĐQT thấy cần phải quyết định trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ về các nội dung dưới đây trong năm tài chính:

a. Hoạt động của HĐQT;

b. Hoạt động Giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty.

c. Tình hình hoạt động của Công ty.

Nếu HĐQT không thực hiện những báo cáo trên, thì báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và không được ĐHCĐ thông qua.

6. HĐQT có thể uỷ quyền cho các thành viên HĐQT đại diện cho Công ty thực hiện vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, trừ khi Pháp luật có quy định khác.

7. ĐHCĐ quyết định tổng mức thù lao của HĐQT. HĐQT thoả thuận chia mức thù lao cho từng thành viên, hoặc nếu không thoả thuận thì tổng số tiền thù lao sẽ được chia đều cho các thành viên.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 29

8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền thù lao trả cho mỗi thành viên phải được nêu chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên HĐQT nắm giữ bất kỳ chức vụ điều hành nào, bao gồm cả Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thành viên HĐQT kiêm những công việc nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

10. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp HĐQT, các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

Điều 22: Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên để bầu ra Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm Giám đốc hoặc các chức danh điều hành khác của Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- e. Chủ tọa họp ĐHCĐ;
- g. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 30

4. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT.

Điều 23: Hợp HĐQT

1. Hợp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT bất kỳ lúc nào nếu cần, và mỗi quý phải triệu tập họp ít nhất một lần.

2. Hợp HĐQT bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích và lý do: Ban Kiểm soát, Giám đốc, tối thiểu năm (05) cán bộ quản lý, hoặc tối thiểu hai (02) thành viên HĐQT. HĐQT phải tiến hành họp bất thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ khi nhận được đề nghị họp bằng văn bản.

3. Địa điểm họp: HĐQT sẽ tổ chức họp ở những địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác tại Việt Nam do Chủ tịch quyết định và được HĐQT nhất trí.

4. Thông báo và chương trình họp: Các thành viên HĐQT phải được thông báo họp ba (03) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp HĐQT phải bao gồm: Nội dung chương trình, thời gian, địa điểm họp và những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp; phiếu biểu quyết gửi cho các thành viên không thể dự họp.

5. Số lượng thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp HĐQT chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp dự họp. Thành viên HĐQT được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

6. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 6 Điều này, mỗi thành viên HĐQT tham dự họp sẽ có một (01) phiếu biểu quyết ;

b. Thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc vấn đề mà thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty ;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 31

c. Thành viên HĐQT liên quan đến hợp đồng, giao dịch như quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch đó.

7. Tuyên bố lợi ích: Khi HĐQT họp để xem xét ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch có lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp cho thành viên của HĐQT thì thành viên này phải công bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó với HĐQT.

8. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng biểu quyết đa số. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, thì Chủ tịch HĐQT sẽ là người quyết định.

9. Biểu quyết vắng mặt: Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước thời gian họp dự kiến.

10. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được tất cả các thành viên HĐQT ký và đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a. Các thành viên có quyền biểu quyết tại cuộc họp ký;
- b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp;
- c. Nghị quyết có thể được sao ra nhiều bản và gửi cho từng thành viên ký để thông qua.

11. Biên bản họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT cho các thành viên HĐQT. Biên bản họp HĐQT là văn bản xác thực về những vấn đề đã được bàn bạc và thông qua trong cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và được tất cả các thành viên HĐQT tham dự họp ký.

12. Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Họp dự thính: HĐQT có thể mời một số cán bộ quản lý của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba tham dự họp HĐQT. Những người được mời họp dự thính không có quyền biểu quyết.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



CHƯƠNG VIII
BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 24: Tổ chức bộ máy quản lý

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và các Quy chế khác nhằm quản trị Công ty và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành của Công ty. HĐQT bổ nhiệm một Giám đốc, một số phó Giám đốc theo nhu cầu về nhiệm vụ công việc và một Kế toán trưởng để điều hành Công ty. Giám đốc và các phó Giám đốc có thể là thành viên HĐQT.

2. Giám đốc là người đại diện của Công ty trước Pháp luật.

3. Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình HĐQT chấp thuận cơ cấu cán bộ quản lý của Công ty nhằm thực hiện quản lý Công ty theo đúng yêu cầu của HĐQT vào từng thời điểm. Cán bộ quản lý của Công ty phải có năng lực và luôn luôn mặn cán trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu mà HĐQT đề ra.

4. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của Giám đốc sẽ do HĐQT quyết định và được quy định trong hợp đồng lao động ký với Giám đốc. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của các cán bộ quản lý khác của Công ty cũng do HĐQT quyết định nhưng có tham khảo ý kiến của Giám đốc và được quy định trong hợp đồng lao động ký với từng cán bộ quản lý.

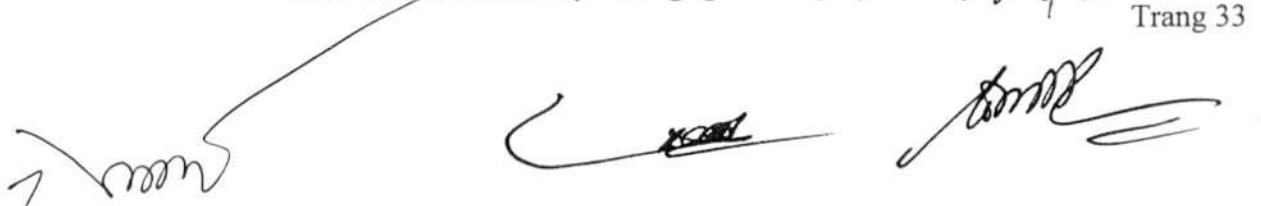
Điều 25: Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm Giám đốc và ký hợp đồng lao động với Giám đốc. Hợp đồng lao động phải quy định rõ mức lương, thù lao, quyền lợi và các điều kiện khác của hợp đồng.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Khi hết nhiệm kỳ, Giám đốc có thể được HĐQT xem xét bổ nhiệm lại. Nếu HĐQT quyết định bổ nhiệm lại Giám đốc, thì HĐQT phải có trách nhiệm xem xét và ký kết lại hợp đồng lao động với Giám đốc.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 33



3. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn sau:

a. Phải tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hay kỹ thuật và có năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý Doanh nghiệp, có ít nhất 05 năm công tác trong ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty, hiểu biết Pháp luật;

b. Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ điều hành nào tại Công ty khác;

c. Có sức khoẻ;

d. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết;

e. Luôn trung thành với lợi ích của Công ty;

4. Giám đốc không phải là những người sau đây:

a. Người vị thành niên;

b. Người không đủ năng lực pháp lý và hành vi theo quy định của Pháp luật.

c. Người đã bị kết án và đang thi hành án;

d. Nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước;

e. Người mà trước đây từng lãnh đạo công ty bị phá sản;

f. Người mà trước đó đã có chứng cứ về việc vô tổ chức kỷ luật, không trung thực và tham nhũng.

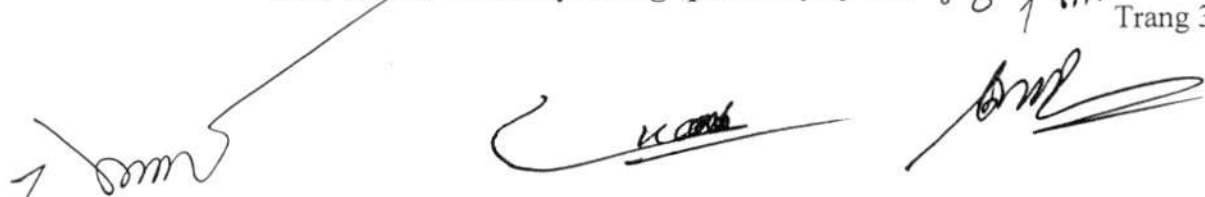
5. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền mà không cần phải có nghị quyết của HĐQT, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng giao nhận thầu xây lắp, mua bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ thi công xây lắp có giá trị nhỏ hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

c. Kiến nghị HĐQT tổ chức bộ máy quản lý điều hành công ty và số lượng cán bộ quản lý, phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty. Tư vấn cho HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều kiện khác khi HĐQT ký kết hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



- d. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh quản lý khác không thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật Lao động và Điều lệ này;
- f. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều kiện khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động có tham khảo ý kiến của HĐQT;
- g. Lập và trình HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh và tài chính chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở kế hoạch kinh doanh và tài chính dài hạn của Công ty;
- h. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua. Đồng thời tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- i. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty;
- j. Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm, quý và tháng của Công ty để phục vụ cho việc giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Các báo cáo tài chính, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo thu nhập, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính, phải được trình để HĐQT thông qua và bao gồm những thông tin theo quy định của Pháp luật và Công ty;
- k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế của Công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, và hợp đồng lao động của Giám đốc.
6. Báo cáo HĐQT và ĐHĐCĐ: Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo HĐQT và ĐHĐCĐ khi được yêu cầu.
7. Bãi nhiệm Giám đốc: Nếu ít nhất 2/3 số lượng thành viên HĐQT biểu quyết tán thành, thì HĐQT sẽ bãi nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc khác thay thế.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



CHƯƠNG IX
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC
VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 26: Trách nhiệm của cán bộ quản lý Công ty


Tất cả các thành viên của HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, miễn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.
2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và cho người khác; không được chuyển tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận.
3. Thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty không được trục lợi từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không lợi dụng cơ hội kinh doanh và sử dụng những thông tin quản trị của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc để phục vụ cho lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

Điều 27: Tránh xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý có trách nhiệm báo cáo HĐQT khi được hưởng hoặc dự kiến được hưởng những lợi ích mà có thể xung đột với lợi ích Công ty từ các hợp đồng, giao dịch, pháp nhân hoặc cá nhân nào bất kỳ. Chỉ khi các thành viên HĐQT không liên quan đến các lợi ích đó nhất trí, thì các thành viên HĐQT, cán bộ quản lý có liên quan mới được hưởng những lợi ích đó.
2. Công ty không cho vay hoặc bảo lãnh các khoản vay của các thành viên HĐQT, Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty và những người có liên quan với họ, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



3. Thành viên HĐQT, Giám đốc, cán bộ quản lý hoặc người có liên quan với họ không được phép mua, bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty khi họ có những thông tin mà chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó trong khi các cổ đông khác không có những thông tin như vậy.

Điều 28: Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại khi:

- a. Hành động không trung thực;
- b. Không miễn cán và cẩn trọng hợp lý để hoàn thành trách nhiệm được giao.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho các thành viên HĐQT, các cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện của Công ty trong trường hợp họ đã, đang và có thể bị khiếu nại, kiện, khởi tố dân sự hoặc hành chính khi thực thi nhiệm vụ của Công ty hay các đơn vị thành viên của Công ty với điều kiện là họ đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán, vì lợi ích của Công ty, tuân thủ luật pháp. Chi phí bồi thường sẽ bao gồm: chi phí thuê luật sư, chi phí xét xử, tiền phạt và các khoản chi phí hợp lý phát sinh. Công ty có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT, các cán bộ quản lý ... để tránh phải chi trả các khoản bồi thường phát sinh.

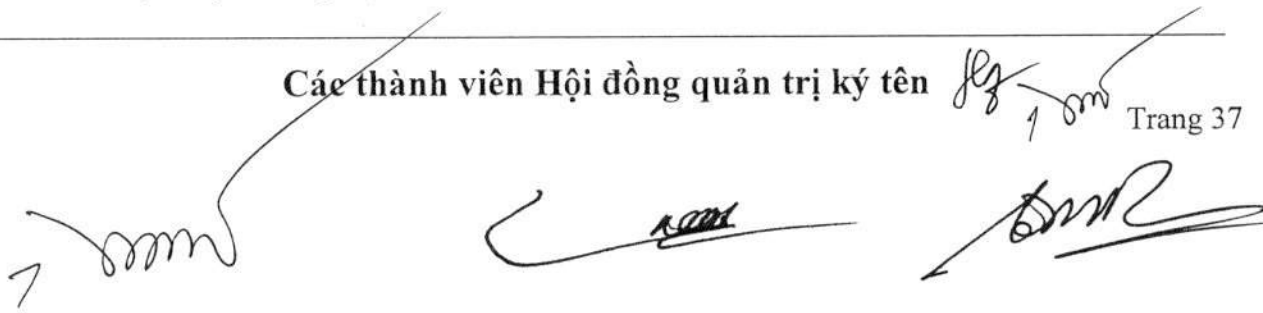
CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 29: Bầu Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty do ĐHCĐ bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín. Thành viên Ban Kiểm soát trúng cử phải đạt ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại ĐHCĐ. Ban Kiểm soát gồm có ba (03) thành viên, có nhiệm kỳ năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 37



2. Trong số các thành viên Ban Kiểm soát, ít nhất phải có một (01) thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban Kiểm soát bầu một trong số các thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.

3. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát:

- a. Từ 21 tuổi trở lên;
- b. Có hiểu biết về Pháp luật và các nội dung cơ bản hiện hành của Nhà nước về quản lý sản xuất và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp;
- c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết;
- d. Là cổ đông cá nhân sở hữu tối thiểu 1% vốn điều lệ của Công ty hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân nắm giữ tối thiểu 10% vốn điều lệ của Công ty hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu 10% vốn điều lệ của Công ty;
- e. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

4. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát.

Cổ đông cá nhân nắm giữ tối thiểu 1% hoặc người đại diện hợp pháp cho Cổ đông pháp nhân nắm giữ trên 10% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết có quyền ứng cử để bầu vào Ban Kiểm soát.

Trừ ĐHCĐ thành lập, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian sáu (6) tháng liên tục trở lên có quyền tập hợp phiếu bầu để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) thì được phép đề cử một (1) người; nếu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử hai (2) người; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử ba (3) người và nếu từ bảy mươi phần trăm (70%) trở lên được đề cử bốn (4) người.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 38

Điều 30: Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

7. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này thì phải

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quyết định của ĐHĐCĐ.

11. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

Điều 31: Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát

1. Thành viên của HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và các biên bản họp HĐQT cũng sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên HĐQT.

2. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng kiểm soát viên giảm so với quy định tại khoản 1 Điều 29 của Điều lệ này thì ĐHĐCĐ phải bầu bổ sung trong ĐHCĐ gần nhất. Trường hợp thiếu kiểm soát viên và các kiểm soát viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì HĐQT phải triệu tập ĐHCĐ bất thường để bầu bổ sung.

3. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- c. Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 40

d. Phân công công việc cho các kiểm soát viên phụ trách theo yêu cầu công việc của Công ty.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát mỗi năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

5. Sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát nhưng phải họp tối thiểu bốn (04) lần mỗi năm và số lượng thành viên tham dự tối thiểu trong mỗi cuộc họp phải là hai (02) thành viên.

6. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Bị mất năng lực pháp lý;
- b. Có bằng chứng chuyên môn chứng minh thành viên đó mất năng lực hành vi;
- c. Có chứng cứ chứng minh không trung thực, vô tổ chức kỷ luật, tham nhũng và lợi dụng chức danh công việc cầu lợi riêng;

d. Thành viên Ban Kiểm soát không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian mười hai (12) tháng liên tục mà không được phép của Ban Kiểm soát;

e. Thành viên Ban Kiểm soát xin từ chức bằng văn bản và gửi HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHCĐ gần nhất;

f. Cổ đông muốn thay thế người đại diện hoặc người được ủy quyền của mình đang giữ chức vụ kiểm soát viên phải đề xuất bằng văn bản với HĐQT để HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHCĐ gần nhất.

CHƯƠNG XI

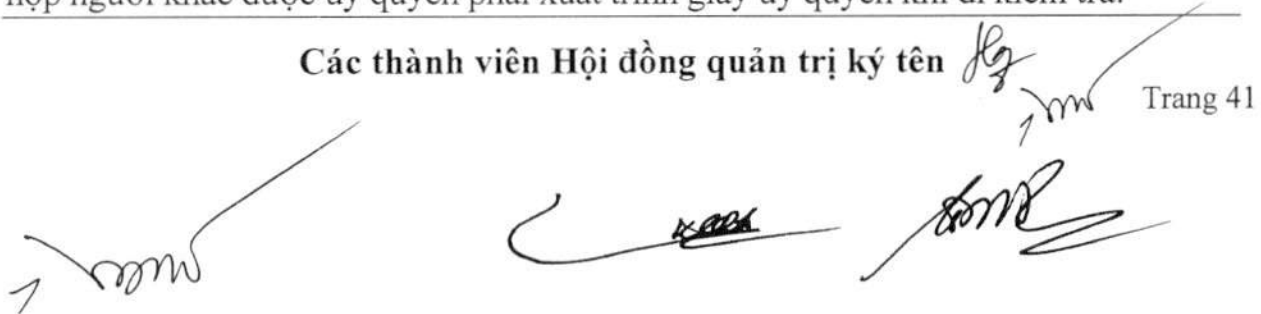
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 32: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, yêu cầu bằng văn bản được kiểm tra danh sách cổ đông, biên bản ĐHCĐ và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp người khác được uỷ quyền phải xuất trình giấy uỷ quyền khi đi kiểm tra.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 41



2 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty có liên quan trực tiếp đến việc thực thi nhiệm vụ của mình, nhưng phải bảo mật các thông tin này.

a. Giám đốc Công ty phải tổ chức lưu Điều lệ Công ty và các bản sửa đổi bổ sung, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản ĐHCĐ và họp HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các loại tài liệu khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu đó;

b. Mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Công ty cung cấp một bản Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 33: Tổ chức Đảng, Công nhân viên và Công đoàn

1. Giám đốc phải lập và trình HĐQT thông qua:

a. Kế hoạch tuyển dụng và cắt giảm lao động;

b. Lương và các khoản liên quan đến lương (nếu có), bảo hiểm xã hội, phúc lợi xã hội, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động theo quy định của Pháp luật hiện hành.

2. Các tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước CHXHCNVN và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

3. Người lao động đang làm việc cho Công ty theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động. Các chế độ quyền lợi được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

4. Công ty bảo đảm các quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo các quy định Pháp luật hiện hành.

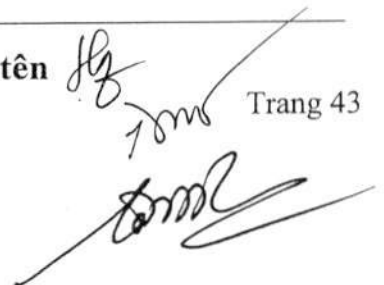
Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

CHƯƠNG XIII
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 34: Cổ tức

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty hàng năm theo mức do HĐQT đề xuất và được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Trừ các loại cổ phần có kèm theo quyền hoặc các loại cổ phần có các điều kiện phát hành quy định khác, cổ tức sẽ được chi trả theo tổng giá trị tính theo mệnh giá cổ phiếu mà cổ đông đang nắm giữ trong thời gian chi trả cổ tức.
4. Tại thời điểm chi trả cổ tức, nếu cổ đông chưa đến nhận thì Công ty sẽ không trả lãi hoặc các chi phí phát sinh liên quan đến các khoản cổ tức chưa nhận.
5. Cổ tức có thể được chi trả toàn bộ hoặc từng phần bằng tài sản khác như cổ phiếu hoặc trái phiếu, v.v của Công ty. Việc chi trả cổ tức bằng tài sản khác phải được ĐHĐCĐ thông qua theo đề nghị của HĐQT.
6. Cổ tức phải được chi trả tính theo Đồng Việt Nam và có thể chi trả bằng tiền mặt, séc, lệnh chuyển tiền hoặc theo yêu cầu hợp lý của cổ đông. Đối với cổ phiếu đã niêm yết, cổ tức sẽ được thanh toán theo quy trình và quy định của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
7. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần của chính Công ty nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận. Trong trường hợp này, HĐQT phải lập phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và trình ĐHĐCĐ thông qua. Sau khi chi trả, những loại cổ phần phát hành để chi trả cổ tức sẽ có tất cả những quyền lợi và trách nhiệm như những cổ phần cùng loại hiện đang lưu hành của Công ty phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, HĐQT quyết định ngày khoá sổ cổ đông để chi trả cổ tức và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp cho các cổ đông biết. Chỉ những cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày khoá sổ mới có quyền nhận cổ tức. Ngày khoá sổ cổ đông có thể là cùng ngày hoặc trước ngày thực hiện chi trả cổ tức. Việc khoá sổ cổ đông phải đảm bảo không ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông khi chuyển nhượng cổ phiếu.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 35: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Pháp luật hiện hành để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

2. Nếu được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật nếu xét thấy cần thiết.

Điều 36: Trích lập các quỹ

1. Hàng năm, Công ty phải trích bổ sung vốn điều lệ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành.

2. Các quỹ khác do HĐQT trình ĐHCĐ quyết định, bao gồm:

- Quỹ đầu tư và phát triển;
- Quỹ phúc lợi và khen thưởng;
- Các quỹ khác nếu có.

Điều 37: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 44

ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 38: Hệ thống Kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.

4. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình HĐQT, Ban Kiểm soát xem xét.

5. HĐQT và Ban Kiểm soát có trách nhiệm trình ĐHCĐ các báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm:

a. Các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền và thuyết minh báo cáo tài chính;

b. Báo cáo thẩm tra của Ban Kiểm soát về báo cáo tài chính;

c. Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán về các báo cáo tài chính của Công ty;

d. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức v.v.

CHƯƠNG XV**CON DẤU****Điều 39: Con dấu**

1. HĐQT sẽ thông qua và khắc con dấu chính thức của Công ty theo quy định của Bộ Công an. Trước khi sử dụng, con dấu phải được đăng ký tại Cơ quan Công

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh và các ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc ký và đóng dấu Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty chỉ được sử dụng con dấu theo đúng Quy định về việc sử dụng con dấu trong Công ty do HĐQT ban hành.

3. Chủ tịch HĐQT, Giám đốc chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY


Điều 40: Chấm dứt hoạt động

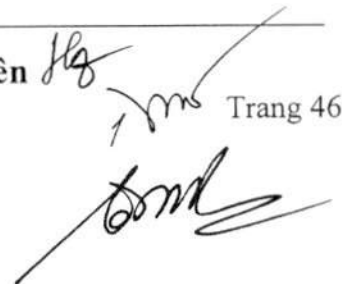
1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do ĐHĐCĐ quyết định và quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của Pháp luật hiện hành.

Điều 41: Thanh lý công ty

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ đơn vị Kiểm toán. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



Trang 46


quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính có thẩm quyền.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên Công ty;
- c. Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông. Trong đó các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 42: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa:

- a. Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Công ty;
- b. Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý của Công ty, thì các bên liên quan sẽ trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp không liên quan đến HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch HĐQT sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 47

ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp tranh chấp có liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ làm trọng tài giải quyết tranh chấp.

2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Trọng tài Kinh tế hoặc Toà án Kinh tế để giải quyết; trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT sẽ là đại diện trước Pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra toà xét xử thì Toà án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan.

CHƯƠNG XVIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 43: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét thông qua.
2. Trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của Pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong Điều lệ này, thì những quy định của Pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIX NGÀY HIỆU LỰC

Điều 44: Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này bao gồm mười chín chương và bốn mươi bốn (44) điều đã được ĐHĐCĐ thành lập thông qua ngày 27/02/2007, được sửa đổi, bổ sung qua các lần như sau:

- Lần 1: Tại ĐHĐCĐ ngày 10/8/2007;

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

Trang 48




- Lần 2: Tại ĐHĐCĐ ngày 15/4/2009;
- Lần 3: Tại ĐHĐCĐ ngày 08/4/2010;
- Lần 4: Tại ĐHĐCĐ ngày 29/05/2012;
- Lần 5: Tại ĐHĐCĐ ngày 29/05/2013;
- Lần 6: Tại ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015 và có hiệu lực kể từ thời điểm trên.

2. Điều lệ được lập thành ba (3) bản, có giá trị như nhau được lưu giữ tại Công ty và nộp cho các cơ quan chức năng theo quy định.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc chữ ký ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên



CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *sg*



Bùi Đức Huy



Lê Thị Kim Hoa



Nguyễn Tử Quang

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *fg*

Bui Đức Huy
Bùi Đức Huy

Lê Thị Kim Hoa
Lê Thị Kim Hoa

Nguyễn Tử Quang
Nguyễn Tử Quang

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm 20.....



Bui Đức Huy
CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Đức Huy